

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tài

Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HN ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phùng Văn K, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Số nhà 154/2 ấp TA, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh Phùng Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị O, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Số nhà 40/3 ấp TA, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phùng Văn K cho trình bày:

Anh và chị Trần Thị O thành hôn với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre ngày 20/11/1998. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Phùng Thị Bảo N, sinh ngày 01/11/1998. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay, hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị O không thể hàn gắn được. Nay yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre giải quyết như

sau:

- Về hôn nhân: Anh Phùng Văn K yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị O, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Phùng Thị Bảo N, sinh ngày 04/11/1998 đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị Oanh có bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt có nội dung:

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn như anh Phùng Văn K trình bày là đúng.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị O đồng ý ly hôn với anh Phùng Văn K. Chị O không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Phùng Thị Bảo N, sinh ngày 04/11/1998 đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị O mặc dù có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Phùng Văn K. Anh Phùng Văn K được ly hôn với chị Trần Thị O. Anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

+ Về con chung: Phùng Thị Bảo N, sinh ngày 04/11/1998 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét

xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Phùng Văn K vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” bị đơn chị Trần Thị O có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Phùng Văn K và bị đơn chị Trần Thị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K chị O theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/11/1998. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Trần Thị O các văn bản tố tụng, nhưng chị O không đến Tòa án để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản nêu ý kiến về việc anh Phùng Văn K yêu cầu ly hôn với chị, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho chị Trần Thị O. Sau khi nhận Quyết định hoãn phiên tòa chị O có bản khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng ý ly hôn với anh K, chứng tỏ chị Trần Thị O không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh K, không muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O là có thật, trong thời gian vợ chồng chung sống anh K và chị O đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình “...*làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Phùng Văn K là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Phùng Thị Bảo N, sinh ngày 04/11/1998 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Anh Phùng Văn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn K. Anh Phùng Văn K được ly hôn với chị Trần Thị O

Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Phùng Thị Bảo N, sinh ngày 04/11/1998 đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phùng Văn K và chị Trần Thị O trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phùng Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000930 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre;

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã Tân Phong, Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương